

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 08 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Quách Văn D, sinh năm 1972 và Bà Bùi Thị N, sinh năm 1972. Nơi cư trú: xóm Láo Thành, xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình;

- Bị đơn: Ông Bùi Văn S, sinh năm 1954; Bà Bùi Thị N. Nơi cư trú: xóm Tuôn, xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau: Ông S và bà N có trách nhiệm trả cho ông D và bà N số tiền nợ sau:

+ Tiền nợ theo giấy vay tiền ngày 05/02/2016 là 80.710.000đ (Tám mươi triệu, bảy trăm mười nghìn đồng). Trong đó: 50.000.000đ gốc và lãi suất = $50.000.000đ \times 0,83\% \times 74 \text{ tháng} = 30.710.000đ$ (Lãi tính từ tháng 6/2016 đến tháng 8/2022).

+ Tiền nợ theo giấy vay tiền ngày 10/12/2016 là 156.440.000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó: 100.000.000đ gốc và lãi suất = $100.000.000đ \times 0,83\% \times 68 \text{ tháng} = 56.440.000đ$ (Lãi tính từ tháng 6/2016 đến tháng 8/2022).

Tổng cộng, ông S và bà N phải thanh toán cho ông D, bà N số tiền 237.150.000đ (Hai trăm ba mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) gốc và lãi tính đến tháng 8/2022.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn

yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

+ Ông D, bà N phải chịu: 2.964.375đ (Hai triệu, chín trăm sáu mươi tư nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng) án phí. Đối trừ với 6.200.000đ tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004305 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Nay ông D được hoàn 3.235.625đ (Ba triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Ông S và bà N phải chịu: 2.964.375đ (Hai triệu, chín trăm sáu mươi tư nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng) án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng N theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hồng